

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẠT PHƯƠNG**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đạt Phương trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đạt Phương (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

**Khái quát về Tập đoàn**

***Công ty Cổ phần Đạt Phương***

Công ty Cổ phần Đạt Phương hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000857 ngày 12 tháng 3 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ nhất ngày 06/5/2002 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ là 10 tỷ đồng.
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ hai ngày 25/6/2002 về việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ xuống còn 2,2 tỷ đồng.
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ ba ngày 01/3/2004 về việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ lên 5 tỷ đồng.
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ tư ngày 07/6/2004 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ năm ngày 27/9/2005 về việc tăng vốn điều lệ lên 16 tỷ đồng.
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ sáu ngày 16/4/2007 về việc tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ đồng.
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ bảy ngày 24/8/2010 về việc thay đổi vốn điều lệ xuống 30.288.220.000 VND.
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ tám ngày 20/12/2010 về việc tăng vốn điều lệ lên 45.432.250.000 VND.
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ chín ngày 06/7/2011 về việc tăng vốn điều lệ lên 65.876.520.000 VND.
- Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ mười ngày 18/8/2011 về việc thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phần của cổ đông sáng lập.

Vốn điều lệ

65.876.520.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 04 37830856

Fax : 04 37830859

Mã số thuế : 0101218757

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Vận tải hàng hóa;
- Đại lý, buôn bán vật liệu xây dựng;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV;
- Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, cụm dân cư, khu đô thị;
- Sản xuất cấu kiện thép, bê tông cốt thép, bê tông nhựa;
- Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng;
- Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Khai thác đá, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản ;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
  - Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
  - Dịch vụ nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- (Doanh nghiệp chỉ hoạt động thi công xây dựng khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

#### *Các công ty con*

| Tên công ty                        | Địa chỉ trụ sở chính                                                              | Giấy phép thành lập                                                                        | Tỷ lệ sở hữu |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| Công ty Cổ phần Sông Bung          | Tầng 7, tòa nhà Bảo Anh, 62 Trần Thái Tông, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội | Số 0103542893 ngày 09 tháng 03 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp      | 58,25%       |
| Công ty Cổ phần Đạt Phương 1       | Tầng 7, tòa nhà Bảo Anh, 62 Trần Thái Tông, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội | Số 0104865061 ngày 18 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp      | 100%         |
| Công ty Cổ phần Đạt Phương Sài Gòn | Số 305 Đường D5, Phường 25 Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh                 | Số 0310295378 ngày 01 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp | 100%         |

#### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

#### Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

##### *Hội đồng quản trị*

| Họ và tên            | Chức vụ  | Ngày bổ nhiệm        | Ngày miễn nhiệm     |
|----------------------|----------|----------------------|---------------------|
| Ông Lương Minh Tuấn  | Chủ tịch | 14 tháng 02 năm 2004 |                     |
| Ông Phạm Văn Đích    | Ủy viên  | 14 tháng 02 năm 2004 | 09 tháng 4 năm 2011 |
| Bà Lương Thị Thanh   | Ủy viên  | 18 tháng 4 năm 2009  |                     |
| Ông Trần Anh Tuấn    | Ủy viên  | 25 tháng 01 năm 2006 |                     |
| Ông Phạm Kim Châu    | Ủy viên  | 25 tháng 01 năm 2006 |                     |
| Ông Nguyễn Xuân Hoạt | Ủy viên  | 09 tháng 4 năm 2011  |                     |

##### *Ban kiểm soát*

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm        | Ngày miễn nhiệm     |
|----------------------|------------|----------------------|---------------------|
| Ông Vũ Văn Phi       | Trưởng ban | 09 tháng 4 năm 2011  |                     |
| Ông Đỗ Mạnh Hùng     | Thành viên | 09 tháng 4 năm 2011  |                     |
| Bà Đỗ Thị Thu        | Thành viên | 09 tháng 4 năm 2011  |                     |
| Ông Đinh Gia Nội     | Trưởng ban | 10 tháng 02 năm 2007 | 09 tháng 4 năm 2011 |
| Ông Nguyễn Thế Chính | Thành viên | 10 tháng 02 năm 2007 | 09 tháng 4 năm 2011 |
| Ông Hoàng Đức Tùng   | Thành viên | 18 tháng 4 năm 2010  | 09 tháng 4 năm 2011 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên           | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm        |
|---------------------|-------------------|----------------------|
| Ông Lương Minh Tuấn | Tổng Giám đốc     | 14 tháng 02 năm 2004 |
| Ông Phạm Kim Châu   | Phó Tổng Giám đốc | 10 tháng 8 năm 2004  |
| Ông Lê Ngọc Hào     | Phó Tổng Giám đốc | 13 tháng 12 năm 2006 |
| Ông Phạm Quang Bình | Phó Tổng Giám đốc | 20 tháng 9 năm 2010  |
| Ông Trần Anh Tuấn   | Phó Tổng Giám đốc | 01 tháng 02 năm 2010 |

Ông Hoàng Đức Tùng                      Kế toán trưởng                      Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đạt Phương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Lương Minh Tuấn**

Ngày 30 tháng 3 năm 2012



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 193/2012/BCTC-KTTV-KT2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

### **VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

**Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Đạt Phương và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2011, từ trang 07 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

#### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Phó Giám đốc**



**Nguyễn Thị Tư**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV  
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

**Kiểm toán viên**

**Phạm Quang Huy**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1409/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                             | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>357.325.370.255</b> | <b>241.437.806.680</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>74.680.918.440</b>  | <b>51.922.130.563</b>  |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 63.580.918.440         | 51.922.130.563         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 11.100.000.000         | -                      |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>      | <b>120</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                                  | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn                | 129        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>106.905.713.987</b> | <b>91.796.582.699</b>  |
| 1. Phải thu khách hàng                              | 131        | V.2         | 72.278.193.876         | 81.584.328.981         |
| 2. Trả trước cho người bán                          | 132        | V.3         | 26.402.467.149         | 9.955.163.515          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Các khoản phải thu khác                          | 135        | V.4         | 8.225.052.962          | 257.090.203            |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>103.007.453.439</b> | <b>50.303.453.180</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.5         | 103.007.453.439        | 50.303.453.180         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>72.731.284.389</b>  | <b>47.415.640.238</b>  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.6         | 3.212.211.460          | 4.347.716.763          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        | V.7         | 13.386.082.291         | 6.998.736.015          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 154        |             | -                      | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 157        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 158        | V.8         | 56.132.990.638         | 36.069.187.460         |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

#### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |             | <b>321.371.398.562</b> | <b>154.343.555.316</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>          | <b>210</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng            | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc     | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ                    | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu dài hạn khác                      | 218        |             | -                      | -                      |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi          | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b> |             | <b>290.237.898.320</b> | <b>141.508.779.341</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 221        | V.9         | 62.473.820.921         | 68.428.070.361         |
| Nguyên giá                                    | 222        |             | 114.525.854.207        | 102.778.784.998        |
| Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (52.052.033.286)       | (34.350.714.637)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính             | 224        |             | -                      | -                      |
| Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                    | 227        | V.10        | 2.187.800.278          | 2.157.380.825          |
| Nguyên giá                                    | 228        |             | 2.239.980.000          | 2.182.980.000          |
| Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (52.179.722)           | (25.599.175)           |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 230        | V.11        | 225.576.277.121        | 70.923.328.155         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>               | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| Nguyên giá                                    | 241        |             | -                      | -                      |
| Giá trị hao mòn lũy kế                        | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> | <b>250</b> |             | <b>1.800.000.000</b>   | <b>1.800.000.000</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty con                     | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh    | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư dài hạn khác                        | 258        | V.12        | 1.800.000.000          | 1.800.000.000          |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                | <b>260</b> |             | <b>29.333.500.242</b>  | <b>11.034.775.975</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 261        | V.13        | 17.368.782.872         | 9.012.477.811          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại             | 262        | V.14        | 7.817.508.268          | 1.297.298.164          |
| 3. Tài sản dài hạn khác                       | 268        | V.15        | 4.147.209.102          | 725.000.000            |
| <b>VI. Lợi thế thương mại</b>                 | <b>269</b> |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      | <b>270</b> |             | <b>678.696.768.817</b> | <b>395.781.361.996</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                           | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>549.343.718.516</b> | <b>293.491.538.219</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>346.141.097.332</b> | <b>253.040.059.878</b> |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                               | 311        | V.16        | 156.107.500.287        | 123.106.908.584        |
| 2. Phải trả người bán                               | 312        | V.17        | 68.837.977.881         | 42.203.881.435         |
| 3. Người mua trả tiền trước                         | 313        | V.18        | 61.551.662.540         | 42.545.198.540         |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 314        | V.19        | 17.102.794.155         | 12.966.881.134         |
| 5. Phải trả người lao động                          | 315        | V.20        | 20.808.261.474         | 18.425.240.103         |
| 6. Chi phí phải trả                                 | 316        | V.21        | 544.618.324            | 126.898.853            |
| 7. Phải trả nội bộ                                  | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác       | 319        | V.22        | 15.418.605.598         | 7.111.567.759          |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 320        | V.23        | 3.978.439.892          | 2.632.371.989          |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 323        | V.24        | 1.791.237.181          | 3.921.111.481          |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 327        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>203.202.621.184</b> | <b>40.451.478.341</b>  |
| 1. Phải trả dài hạn người bán                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ                          | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Phải trả dài hạn khác                            | 333        | V.25        | 1.065.300.000          | 6.609.750.000          |
| 4. Vay và nợ dài hạn                                | 334        | V.26        | 202.137.321.184        | 33.841.728.341         |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                  | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm                    | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn                        | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện                         | 338        |             | -                      | -                      |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ             | 339        |             | -                      | -                      |
| <b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     | <b>400</b> |             | <b>87.417.747.801</b>  | <b>80.041.723.777</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                            | <b>410</b> |             | <b>87.417.747.801</b>  | <b>80.041.723.777</b>  |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                        | 411        | V.27        | 65.876.520.000         | 45.432.250.000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                             | 412        | V.28        | 60.000.000             | 60.000.000             |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Cổ phiếu quỹ                                     | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                  | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                       | 416        | V.29        | (99.038.155)           | (45.483.728)           |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển                            | 417        | V.30        | 5.840.012.107          | 5.838.677.991          |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính                           | 418        | V.31        | 4.041.435.465          | 4.042.429.364          |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                    | 419        | V.32        | 139.891.152            | 61.155.202             |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               | 420        | V.33        | 11.558.927.232         | 24.652.694.948         |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                | 421        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                 | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>               | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí                                   | 432        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định     | 433        |             | -                      | -                      |
| <b>C - LỢI ÍCH CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>                 | <b>439</b> |             | <b>41.935.302.500</b>  | <b>22.248.100.000</b>  |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                          | <b>440</b> |             | <b>678.696.768.817</b> | <b>395.781.361.996</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| CHỈ TIÊU                                       | Thuyết<br>minh | Số cuối năm |   | Số đầu năm |   |
|------------------------------------------------|----------------|-------------|---|------------|---|
|                                                |                |             |   |            |   |
| 1. Tài sản thuê ngoài                          |                |             | - |            | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công |                |             | - |            | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược  |                |             | - |            | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý                         |                |             | - |            | - |
| 5. Ngoại tệ các loại:                          |                |             | - |            | - |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án                |                |             | - |            | - |

Người lập biểu

Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng

Hoàng Đức Tùng

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc



Lương Minh Tuấn

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                | Mã số | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước             |
|---------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                         |       |             |                       |                       |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ               | 01    | VI.1        | 379.878.658.675       | 347.514.651.135       |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 02    |             | -                     | -                     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ      | 10    |             | 379.878.658.675       | 347.514.651.135       |
| 4. Giá vốn hàng bán                                     | 11    | VI.2        | 310.821.600.508       | 296.416.084.048       |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 20    |             | 69.057.058.167        | 51.098.567.087        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                        | 21    | VI.3        | 1.303.625.829         | 10.754.759.719        |
| 7. Chi phí tài chính                                    | 22    | VI.4        | 32.359.328.492        | 12.398.648.912        |
| Trong đó: chi phí lãi vay                               | 23    |             | 31.801.394.166        | 12.330.617.930        |
| 8. Chi phí bán hàng                                     | 24    |             | -                     | -                     |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 25    | VI.5        | 22.600.591.106        | 15.031.406.597        |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh             | 30    |             | 15.400.764.398        | 34.423.271.297        |
| 11. Thu nhập khác                                       | 31    | VI.6        | 6.253.942             | 7.941.057.639         |
| 12. Chi phí khác                                        | 32    | VI.7        | 45.124.773            | 142.158.134           |
| 13. Lợi nhuận khác                                      | 40    |             | (38.870.831)          | 7.798.899.505         |
| 14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 45    |             | -                     | -                     |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                   | 50    |             | 15.361.893.567        | 42.222.170.802        |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành        | 51    | V.18        | 7.627.627.220         | 11.422.118.987        |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại         | 52    | VI.8        | (6.520.210.104)       | (921.916.734)         |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp            | 60    |             | <u>14.254.476.451</u> | <u>31.721.968.549</u> |
| 18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số           | 61    |             | -                     | -                     |
| 18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ     | 62    | VI.9        | 14.254.476.451        | 31.721.968.549        |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                            | 70    | VI.10       | <u>2.164</u>          | <u>4.815</u>          |

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu

Hoàng Đức Tùng



Lương Minh Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                        | Mã Thuyết<br>số minh | Năm nay                  | Năm trước               |
|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |                      |                          |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                         | 01                   | 15.361.893.567           | 42.222.170.802          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                    |                      |                          |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định                                                      | 02                   | 17.727.899.196           | 13.703.900.118          |
| - Các khoản dự phòng                                                            | 03                   | -                        | -                       |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện                             | 04                   | -                        | -                       |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                   | 05                   | -                        | (10.067.565.742)        |
| - Chi phí lãi vay                                                               | 06 VI.4              | 31.801.394.166           | 12.330.617.930          |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                | 08                   | 64.891.186.929           | 58.189.123.108          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                 | 09                   | (21.069.760.742)         | (21.097.914.152)        |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                       | 10                   | (52.704.000.259)         | (26.339.916.217)        |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                 | 11                   | 55.032.164.866           | 58.602.056.515          |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                  | 12                   | (7.220.799.758)          | (3.091.943.829)         |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                           | 13                   | (31.757.740.572)         | (12.335.616.291)        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                             | 14 V.18              | (6.762.856.817)          | (11.706.820.361)        |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                         | 15                   | 2.999.240.438            | 695.000.000             |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                        | 16                   | (8.597.573.840)          | (2.424.141.681)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b>            | <b>(5.190.139.755)</b>   | <b>40.489.827.092</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |                      |                          |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21                   | (166.457.018.175)        | (92.523.733.706)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22                   | -                        | -                       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23                   | -                        | -                       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24                   | -                        | -                       |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25                   | -                        | -                       |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26                   | -                        | 20.806.300.000          |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27                   | -                        | 771.730.800             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b>            | <b>(166.457.018.175)</b> | <b>(70.945.702.906)</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

#### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã Thuyết |      | Năm nay           | Năm trước         |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------|-------------------|-------------------|
|                                                                                            | số        | minh |                   |                   |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính                                                |           |      |                   |                   |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu                             | 31        |      | -                 | -                 |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |      | -                 | -                 |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                                    | 33        |      | 501.456.886.606   | 189.406.644.718   |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                 | 34        |      | (300.250.619.524) | (111.560.591.148) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính                                                          | 35        |      | -                 | -                 |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        | V.25 | (6.800.321.275)   | (6.047.906.000)   |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                               | 40        |      | 194.405.945.807   | 71.798.147.570    |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm                                                            | 50        |      | 22.758.787.877    | 41.342.271.756    |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                                                           | 60        | V.1  | 51.922.130.563    | 10.579.858.807    |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |      | -                 | -                 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm                                                          | 70        | V.1  | 74.680.918.440    | 51.922.130.563    |

Người lập biểu

Đỗ Thị Thu

Kế toán trưởng

Hoàng Đức Tùng

Lập ngày 30 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc



Lương Minh Tuấn

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ :** Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh :** Xây dựng
- Nghành nghề kinh doanh :**
  - Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi;
  - Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV;
  - Thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng;
- Công ty con: 03**  
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03  
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

## 5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

| Tên Công ty con                    | Địa chỉ                                                                           | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Sông Bung          | Tầng 7, tòa nhà Bảo Anh, 62 Trần Thái Tông, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội | 58,25%        | 58,50%           |
| Công ty Cổ phần Đạt Phương 1       | Tầng 7, tòa nhà Bảo Anh, 62 Trần Thái Tông, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội | 100%          | 100%             |
| Công ty Cổ phần Đạt Phương Sài Gòn | Số 305 Đường D5, Phường 25 Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh                 | 100%          | 100%             |

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đạt Phương đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy tính

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đạt Phương (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm của từng công trình được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí} \\ \text{SXKD phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Doanh thu phát sinh trong kỳ + Giá trị sản} \\ \text{lượng đã thực hiện nhưng chưa được xác nhận} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{đã thực hiện} \\ \text{nhưng chưa được} \\ \text{xác nhận} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{đã thực hiện} \\ \text{nhưng chưa được} \\ \text{xác nhận} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Khối lượng kiểm kê dở dang} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá trúng} \\ \text{thầu} \end{array}$$

#### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Nhóm TSCĐ</u>         | <u>Số năm</u> |
|--------------------------|---------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc    | 5 – 6         |
| Máy móc thiết bị         | 5-8           |
| Phương tiện vận tải      | 6-7           |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 3-7           |
| Tài sản cố định khác     | 3-4           |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

#### 9. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Ván khuôn, giàn giáo thi công*

Ván khuôn, giàn giáo thi công đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí công trình trong kỳ theo thời gian sử dụng ước tính cho công trình đó với tổng thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

#### 11. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán khoản nợ đó đồng thời nghĩa vụ nợ phải trả được ước tính một cách đáng tin cậy. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Chi phí bảo hành công trình xây lắp*

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Dự phòng bảo hành được lập cho từng công

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trình xây lắp dự kiến có khả năng phát sinh chi phí bảo hành và được tính bằng 1% đến 5% trên doanh thu của công trình đó.

#### 12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

#### 13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

#### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011: 20.828 VND/USD

31/12/2010: 18.932 VND/USD

#### 16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính

##### *Hợp đồng xây dựng*

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### 17. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

##### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

##### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

##### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

##### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

##### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

##### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **19. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                                                        | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                                                               | 589.908.116           | 441.447.659           |
| Tiền gửi ngân hàng                                                     | 62.991.010.324        | 51.480.682.904        |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng) | 11.100.000.000        | -                     |
| <b>Cộng</b>                                                            | <b>74.680.918.440</b> | <b>51.922.130.563</b> |

##### 2. Phải thu khách hàng

|                                                            | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu khách hàng tại Công ty Cổ phần Đạt Phương         | 69.765.232.621        | 78.911.928.981        |
| Phải thu khách hàng tại Công ty Cổ phần Đạt Phương 1       | 95.153.100            | -                     |
| Phải thu khách hàng tại Công ty Cổ phần Đạt Phương Sài Gòn | 2.417.808.155         | 2.672.400.000         |
| <b>Cộng</b>                                                | <b>72.278.193.876</b> | <b>81.584.328.981</b> |

##### 3. Trả trước người bán

|                                                            | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Trả trước người bán tại Công ty Cổ phần Đạt Phương         | 14.504.255.930        | 2.977.094.599        |
| Trả trước người bán tại Công ty Cổ phần Đạt Phương 1       | 342.540.000           | 800.915.000          |
| Trả trước người bán tại Công ty Cổ phần Đạt Phương Sài Gòn | 50.000.000            | 103.000.000          |
| Trả trước người bán tại Công ty Cổ phần Sông Bung          | 11.505.671.219        | 6.074.153.916        |
| <b>Cộng</b>                                                | <b>26.402.467.149</b> | <b>9.955.163.515</b> |

##### 4. Phải thu khác

|                                   | Số cuối năm          | Số đầu năm         |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Nam | 7.438.242.191        | -                  |
| Ông Đinh Gia Nội                  | 251.399.102          | 127.201.389        |
| Ông Nguyễn Xuân Bình              | 156.000.000          | -                  |
| Phải thu về thuế TNCN             | 152.216.266          | -                  |
| Ông Đỗ Mạnh Hùng                  | 107.837.360          | 40.837.360         |
| Ông Quách Ngọc Huy                | 44.886.344           | 44.886.344         |
| Phải thu khác                     | 74.471.699           | 44.165.110         |
| <b>Cộng</b>                       | <b>8.225.052.962</b> | <b>257.090.203</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 5. Hàng tồn kho

|                                      | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu                | 2.164.215.114          | 1.296.800.214         |
| Công cụ, dụng cụ                     | 65.436.250             | 2.139.801.876         |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 100.777.802.075        | 46.866.851.090        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>103.007.453.439</b> | <b>50.303.453.180</b> |

#### 6. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                         | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 2.972.873.061        | 4.218.393.789        |
| Chi phí thuê nhà        | 24.000.000           | 35.683.500           |
| Chi phí bảo hiểm        | 201.863.399          | 66.959.474           |
| Chi phí sửa xe          | 13.475.000           | 26.680.000           |
| <b>Cộng</b>             | <b>3.212.211.460</b> | <b>4.347.716.763</b> |

#### 7. Tài sản ngắn hạn khác

|                 | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| Tạm ứng         | 56.086.740.638        | 36.069.187.460        |
| Ký quỹ ngắn hạn | 46.250.000            | -                     |
| <b>Cộng</b>     | <b>56.132.990.638</b> | <b>36.069.187.460</b> |

01/12/2011  
CH  
C  
RÁCH N  
IỂM TO  
H  
ĐANG

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

|                                       | Nhà cửa,<br>vật kiến<br>trúc | Máy móc<br>và thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị,<br>dụng cụ<br>quản lý | Tài sản<br>cố định<br>khác | Cộng            |
|---------------------------------------|------------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------------|-----------------|
| Nguyên giá                            |                              |                        |                                       |                                 |                            |                 |
| Số đầu năm                            | 478.825.050                  | 79.948.616.457         | 19.263.822.454                        | 2.174.064.743                   | 913.456.294                | 102.778.784.998 |
| Tăng do mua sắm mới                   | -                            | 10.509.928.301         | 922.320.000                           | 314.820.908                     | -                          | 11.747.069.209  |
| Giảm trong năm                        | -                            | -                      | -                                     | -                               | -                          | -               |
| Số cuối năm                           | 478.825.050                  | 90.458.544.758         | 20.186.142.454                        | 2.488.885.651                   | 913.456.294                | 114.525.854.207 |
| Trong đó:                             |                              |                        |                                       |                                 |                            |                 |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -                            | 3.696.895.429          | 946.000.000                           | 297.517.632                     | 741.738.113                | 5.682.151.174   |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                              |                        |                                       |                                 |                            |                 |
| Số đầu năm                            | 92.943.816                   | 26.175.352.771         | 6.164.420.610                         | 1.155.302.788                   | 762.694.652                | 34.350.714.637  |
| Tăng trong năm                        | 92.943.816                   | 14.152.943.352         | 3.166.572.929                         | 457.569.510                     | 45.806.985                 | 17.915.836.592  |
| Khấu hao trong năm                    | 92.943.816                   | 14.152.943.352         | 2.952.054.986                         | 457.569.510                     | 45.806.985                 | 17.701.318.649  |
| Điều chỉnh phân loại                  | -                            | -                      | 214.517.943                           | -                               | -                          | 214.517.943     |
| Giảm trong năm                        | -                            | -                      | -                                     | (214.517.943)                   | -                          | (214.517.943)   |
| Điều chỉnh phân loại                  | -                            | -                      | -                                     | (214.517.943)                   | -                          | (214.517.943)   |
| Số cuối năm                           | 185.887.632                  | 40.328.296.123         | 9.330.993.539                         | 1.398.354.355                   | 808.501.637                | 52.052.033.286  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                              |                        |                                       |                                 |                            |                 |
| Số đầu năm                            | 385.881.234                  | 53.773.263.686         | 13.099.401.844                        | 1.018.761.955                   | 150.761.642                | 68.428.070.361  |
| Số cuối năm                           | 292.937.418                  | 50.130.248.635         | 10.855.148.915                        | 1.090.531.296                   | 104.954.657                | 62.473.820.921  |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 46.879.718.330 VND và 20.040.010.667 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

|                            | Quyền sử<br>dụng đất | Phần mềm<br>máy vi tính | Cộng                 |
|----------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>          |                      |                         |                      |
| Số đầu năm                 | 2.112.000.000        | 70.980.000              | 2.182.980.000        |
| Tăng do mua sắm trong năm  | -                    | 57.000.000              | 57.000.000           |
| Giảm trong năm             | -                    | -                       | -                    |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>2.112.000.000</b> | <b>127.980.000</b>      | <b>2.239.980.000</b> |
| <b>Giá trị hao mòn</b>     |                      |                         |                      |
| Số đầu năm                 | -                    | 25.599.175              | 25.599.175           |
| Tăng do khấu hao trong năm | -                    | 26.580.547              | 26.580.547           |
| Giảm trong năm             | -                    | -                       | -                    |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>-</b>             | <b>52.179.722</b>       | <b>52.179.722</b>    |
| <b>Giá trị còn lại</b>     |                      |                         |                      |
| Số đầu năm                 | 2.112.000.000        | 45.380.825              | 2.157.380.825        |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>2.112.000.000</b> | <b>75.800.278</b>       | <b>2.187.800.278</b> |

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công trình thủy điện Sông Bung

|                                   | Năm nay                | Năm trước             |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                        | 70.923.328.155         | 15.407.937.737        |
| Số phát sinh trong năm            | 154.652.948.966        | 55.515.390.418        |
| Số kết chuyển tăng TSCĐ trong năm | -                      | -                     |
| <b>Số cuối năm</b>                | <b>225.576.277.121</b> | <b>70.923.328.155</b> |

#### 11. Đầu tư dài hạn khác

|                                                                    | Số cuối năm |                      | Số đầu năm |                      |
|--------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------|------------|----------------------|
|                                                                    | Số lượng    | Giá trị              | Số lượng   | Giá trị              |
| Mua cổ phần của Công ty Cổ phần<br>Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai | 180.000     | 1.800.000.000        | 180.000    | 1.800.000.000        |
| Trong đó:                                                          |             |                      |            |                      |
| Vốn của Công ty                                                    | 73.470      | 734.700.000          | 73.470     | 734.700.000          |
| Vốn huy động của cán bộ công<br>nhân viên (*)                      | 106.530     | 1.065.300.000        | 106.530    | 1.065.300.000        |
| <b>Cộng</b>                                                        |             | <b>1.800.000.000</b> |            | <b>1.800.000.000</b> |

(\*) Xem thêm thuyết minh số V.23

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****12. Chi phí trả trước dài hạn**

|                             | Số đầu năm           | Tăng trong năm        | Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm | Phân loại sang chi phí trả trước ngắn hạn | Số cuối năm           |
|-----------------------------|----------------------|-----------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------|
| Ván khuôn, đồ giáo thi công | 6.079.910.764        | 13.056.166.810        | (4.669.596.485)                       | (1.770.012.935)                           | 12.696.468.154        |
| CCDC sản xuất               | 1.643.382.102        | 3.248.833.058         | (1.212.527.440)                       | (278.043.151)                             | 3.401.644.569         |
| CCDC quản lý                | 463.315.698          | 532.082.653           | (232.414.447)                         | (202.714.519)                             | 560.269.385           |
| Sửa chữa thiết bị           | 700.892.723          | 627.544.110           | (443.188.008)                         | (305.495.399)                             | 579.753.426           |
| Chi phí bảo hiểm            | 112.162.363          | 438.739.102           | (222.440.728)                         | (201.863.399)                             | 126.597.338           |
| Chi phí thuê nhà            | 12.814.161           | 96.000.000            | (84.814.161)                          | (24.000.000)                              | -                     |
| Chi phí khác                | -                    | 4.500.000             | (450.000)                             | -                                         | 4.050.000             |
| <b>Cộng</b>                 | <b>9.012.477.811</b> | <b>18.003.865.733</b> | <b>(6.865.431.269)</b>                | <b>(2.782.129.403)</b>                    | <b>17.368.782.872</b> |

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi chưa thực hiện đối với giá trị xây lắp và dịch vụ Công ty Cổ phần Đạt Phương cung cấp cho các Công ty con. Chi tiết phát sinh như sau:

|                    | Năm nay              | Năm trước            |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm         | 1.297.298.164        | 375.381.430          |
| Số phát sinh       | 6.520.210.104        | 921.916.734          |
| Số hoàn nhập       | -                    | -                    |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>7.817.508.268</b> | <b>1.297.298.164</b> |

**14. Tài sản dài hạn khác**

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

**15. Vay và nợ ngắn hạn**

|                                                                    | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng                                             | 155.543.707.155        | 122.627.947.916        |
| Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long | 63.620.248.788         | 54.023.224.924         |
| Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long | 91.923.458.367         | 68.604.722.992         |
| Vay ngắn hạn các cá nhân                                           | 563.793.132            | 478.960.668            |
| <b>Cộng</b>                                                        | <b>156.107.500.287</b> | <b>123.106.908.584</b> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:

|                               | Vay ngắn hạn ngân hàng | Vay ngắn hạn cá nhân | Cộng                   |
|-------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| Số đầu năm                    | 122.627.947.916        | 478.960.668          | 123.106.908.584        |
| Số tiền vay phát sinh         | 320.248.453.763        | 805.165.000          | 321.053.618.763        |
| Lãi vay nhập gốc              | -                      | 36.363.037           | 36.363.037             |
| CLTG cuối năm do đánh giá lại | -                      | 99.038.155           | 99.038.155             |
| Số tiền vay đã trả            | (287.332.694.524)      | (810.250.000)        | (288.142.944.524)      |
| Hoàn nhập CLTG                | -                      | (45.483.728)         | (45.483.728)           |
| <b>Số cuối năm</b>            | <b>155.543.707.155</b> | <b>563.793.132</b>   | <b>156.107.500.287</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 16. Phải trả cho người bán

|                                                           | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán tại Công ty Cổ phần Đạt Phương         | 51.291.823.105        | 39.288.753.839        |
| Phải trả người bán tại Công ty Cổ phần Đạt Phương 1       | 8.344.101.052         | 2.379.988.358         |
| Phải trả người bán tại Công ty Cổ phần Đạt Phương Sài Gòn | 4.576.583.225         | 499.214.238           |
| Phải trả người bán tại Công ty Cổ phần Sông Bung          | 4.625.470.499         | 35.925.000            |
| <b>Cộng</b>                                               | <b>68.837.977.881</b> | <b>42.203.881.435</b> |

#### 17. Người mua trả trước

|                                                                 | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Người mua trả tiền trước tại Công ty Cổ phần Đạt Phương         | 61.335.692.540        | 42.545.198.540        |
| Người mua trả tiền trước tại Công ty Cổ phần Đạt Phương Sài Gòn | 215.970.000           | -                     |
| <b>Cộng</b>                                                     | <b>61.551.662.540</b> | <b>42.545.198.540</b> |

#### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | Số đầu năm            | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm     | Số cuối năm           |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.121.152.563         | 6.372.419.530         | (3.963.516.718)         | 3.530.055.375         |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu   | -                     | 615.656.989           | (615.656.989)           | -                     |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 10.119.084.615        | 7.627.627.220         | (6.762.856.817)         | 10.983.855.018        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 1.726.643.956         | 3.482.380.570         | (2.626.043.433)         | 2.582.981.093         |
| Thuế tài nguyên            | -                     | 113.555.180           | (108.429.178)           | 5.126.002             |
| Các loại thuế khác         | -                     | 10.000.000            | (10.000.000)            | -                     |
| Các khoản phí, lệ phí      | -                     | 12.543.108            | (11.766.441)            | 776.667               |
| <b>Cộng</b>                | <b>12.966.881.134</b> | <b>18.234.182.597</b> | <b>(14.098.269.576)</b> | <b>17.102.794.155</b> |

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế GTGT 10%

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**Thuế thu nhập doanh nghiệp:** Xem thuyết minh số IV.14

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|                                                                                                           | <u>Năm nay</u>         | <u>Năm trước</u>      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                         | 15.361.893.567         | 42.222.170.802        |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:  | 26.685.583.260         | 3.466.305.144         |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                               |                        |                       |
| Chi phí lãi vay vượt mức khống chế theo quy định                                                          | -                      | 208.336.446           |
| Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất                                     | 281.454.539            | 141.690.908           |
| Chi phí khấu hao xe ô tô vượt mức khống chế                                                               | 122.780.567            | 38.539.456            |
| Phạt vi phạm hành chính                                                                                   | 111.998.641            | 3.300.000             |
| Các khoản thuế bị phạt, truy thu                                                                          | -                      | 137.302.200           |
| Chi phí không hợp lý hợp lệ                                                                               | 88.509.100             | 21.200.000            |
| Chênh lệch tạm thời phát sinh trong quá trình hợp nhất                                                    | 26.080.840.413         | 3.687.666.934         |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                               |                        |                       |
| Cổ tức                                                                                                    | -                      | (771.730.800)         |
| Thu nhập chịu thuế                                                                                        | 42.047.476.827         | 45.688.475.946        |
| Trong đó                                                                                                  |                        |                       |
| Thu nhập từ hoạt động xây lắp                                                                             | 40.776.277.133         | 45.688.475.946        |
| Thu nhập từ dịch vụ và bán vật tư                                                                         | 1.271.199.694          | -                     |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                      | 25%                    | 25%                   |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>                                       | <b>10.511.869.207</b>  | <b>11.422.118.987</b> |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 đối với hoạt động xây lắp</b> | <b>(2.891.241.914)</b> | -                     |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>                                                            | <b>7.620.627.293</b>   | -                     |
| <b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>                                   | <b>6.999.927</b>       | -                     |
| <b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>                                                           | <b>7.627.627.220</b>   | <b>11.422.118.987</b> |

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành

#### 19. Chi phí phải trả

|                           | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>  |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả  | 50.552.447         | 6.898.853          |
| Chi phí thuê nhà phải trả | -                  | 120.000.000        |
| Chi phí thuê tài sản      | 481.671.713        | -                  |
| Chi phí khác              | 12.394.164         | -                  |
| <b>Cộng</b>               | <b>544.618.324</b> | <b>126.898.853</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 20. Các khoản phải trả, phải nộp khác

|                                                         | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|---------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Kinh phí công đoàn                                      | 175.953.446           | 30.450.776           |
| BHXH, BHYT, KPCĐ                                        | 1.670.182.425         | 522.251.385          |
| Chi phí công trình phải trả các đội trường đội thi công | 13.050.126.001        | 6.344.336.144        |
| Phải trả các cá nhân về tiền thuế TNCN thu thừa         | 307.708.600           | -                    |
| Phải trả cổ tức năm 2010                                | 24.576.725            | -                    |
| Phải trả khác                                           | 190.058.401           | 214.529.454          |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>15.418.605.598</b> | <b>7.111.567.759</b> |

#### 21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là dự phòng bảo hành cho các công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

|                    | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm         | 2.632.371.989        | 11.064.857.538       |
| Tăng do trích lập  | 2.215.331.117        | 1.261.548.558        |
| Số đã sử dụng      | (869.263.214)        | (1.757.576.751)      |
| Số hoàn nhập       | -                    | (7.936.457.356)      |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>3.978.439.892</b> | <b>2.632.371.989</b> |

#### 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                 | <u>Số đầu năm</u>    | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>   |
|-----------------|----------------------|---------------------------------------|--------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 2.554.408.932        | -                                     | (2.125.674.300)          | 428.734.632          |
| Quỹ phúc lợi    | 1.366.702.549        | -                                     | (4.200.000)              | 1.362.502.549        |
| <b>Cộng</b>     | <b>3.921.111.481</b> | <b>-</b>                              | <b>(2.129.874.300)</b>   | <b>1.791.237.181</b> |

#### 23. Phải trả dài hạn khác

|                            | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Trung Hiếu      | -                    | 5.544.450.000        |
| Tiền góp vốn của CBCNV (*) | 1.065.300.000        | 1.065.300.000        |
| <b>Cộng</b>                | <b>1.065.300.000</b> | <b>6.609.750.000</b> |

(\*) Là khoản góp vốn của Cán bộ công nhân viên công ty vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai.

#### 24. Vay và nợ dài hạn

|                                                                                       | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long                    | 12.373.678.800         | 12.578.353.800        |
| Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng <sup>(b)</sup>                                | 750.000.000            | 1.050.000.000         |
| Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội <sup>(c)</sup>                                            | 647.500.000            | 1.663.500.000         |
| Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long <sup>(d)</sup>     | 172.118.322.843        | -                     |
| Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 12 TP. Hồ Chí Minh <sup>(e)</sup> | 16.247.819.541         | 18.549.874.541        |
| <b>Cộng</b>                                                                           | <b>202.137.321.184</b> | <b>33.841.728.341</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (a) Các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng 1 lần.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để mua xe ô tô Toyota Fortuner với thời hạn vay 48 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng cộng với lãi suất biên 5,5%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội bao gồm:
- Khoản vay để mua sắm xe ô tô Toyota Camry với thời hạn vay 48 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 24 tháng trả lãi sau cộng với lãi suất biên 4,6%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần.
  - Khoản vay để mua sắm xe ô tô bán tải Hilux với thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 24 tháng trả lãi sau cộng với lãi suất biên 5%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần.
- (d) Các khoản vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long bao gồm:
- Khoản vay để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng cộng với lãi suất biên từ 3,2% đến 4,5%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần.
  - Khoản vay để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng cộng với lãi suất biên 4,5%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần.
  - Khoản vay để đầu tư thiết bị thi công phục vụ các công trình với thời hạn 60 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng cộng với lãi suất biên 4%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần.
- (e) Khoản tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 12 TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 42/2011-HĐTD/CN12 ngày 06 tháng 7 năm 2011 để đầu tư xây dựng thủy điện Sông Bung 6, thời hạn vay 11 năm. Lãi suất cho kỳ tính lãi đầu tiên là 21,5%/năm đối với vay VND và 8%/năm đối với vay USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

#### Chi tiết phát sinh của các khoản vay dài hạn trong năm như sau

|                       | Năm nay                | Năm trước             |
|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm            | 33.841.728.341         | 20.867.053.800        |
| Số tiền vay phát sinh | 180.403.267.843        | 21.404.624.541        |
| Số tiền vay đã trả    | (12.107.675.000)       | (8.429.950.000)       |
| <b>Số cuối năm</b>    | <b>202.137.321.184</b> | <b>33.841.728.341</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 25. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

|                                         | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                  |
|-----------------------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước                     | 30.288.220.000            | 60.000.000           | (46.384.373)               | 2.127.469.579         | 2.379.198.629          | -                             | 23.727.623.061                    | 58.536.126.896        |
| Chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu      | 15.144.030.000            | -                    | -                          | -                     | -                      | -                             | (15.144.030.000)                  | -                     |
| Chia cổ tức năm 2009 bằng tiền          | -                         | -                    | -                          | -                     | -                      | -                             | (6.047.906.000)                   | (6.047.906.000)       |
| Lợi nhuận trong năm trước               | -                         | -                    | -                          | -                     | -                      | -                             | 31.721.968.549                    | 31.721.968.549        |
| Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2009 | -                         | -                    | -                          | 2.048.971.576         | -                      | -                             | (3.558.758.951)                   | (1.509.787.375)       |
| Tạm trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2010 | -                         | -                    | -                          | 1.662.236.836         | 1.663.230.735          | 61.155.202                    | (6.046.201.711)                   | (2.659.578.938)       |
| Hoàn nhập CLTG cuối năm 2009            | -                         | -                    | 46.384.373                 | -                     | -                      | -                             | -                                 | 46.384.373            |
| CLTG do đánh giá lại cuối năm 2010      | -                         | -                    | (45.483.728)               | -                     | -                      | -                             | -                                 | (45.483.728)          |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>             | <b>45.432.250.000</b>     | <b>60.000.000</b>    | <b>(45.483.728)</b>        | <b>5.838.677.991</b>  | <b>4.042.429.364</b>   | <b>61.155.202</b>             | <b>24.652.694.948</b>             | <b>80.041.723.777</b> |
| Số dư đầu năm nay                       | 45.432.250.000            | 60.000.000           | (45.483.728)               | 5.838.677.991         | 4.042.429.364          | 61.155.202                    | 24.652.694.948                    | 80.041.723.777        |
| Chia cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu      | 20.444.270.000            | -                    | -                          | -                     | -                      | -                             | (20.444.270.000)                  | -                     |
| Chia cổ tức năm 2010 bằng tiền          | -                         | -                    | -                          | -                     | -                      | -                             | (6.824.898.000)                   | (6.824.898.000)       |
| Lợi nhuận trong năm                     | -                         | -                    | -                          | -                     | -                      | -                             | 14.254.476.451                    | 14.254.476.451        |
| Hoàn nhập quỹ dự phòng vào lợi nhuận    | -                         | -                    | -                          | -                     | (993.899)              | 993.899                       | -                                 | -                     |
| Trích lập các quỹ trong năm             | -                         | -                    | -                          | 1.334.116             | -                      | 77.742.051                    | (79.076.167)                      | -                     |
| Hoàn nhập CLTG cuối năm trước           | -                         | -                    | 45.483.728                 | -                     | -                      | -                             | -                                 | 45.483.728            |
| CLTG do đánh giá lại cuối năm nay       | -                         | -                    | (99.038.155)               | -                     | -                      | -                             | -                                 | (99.038.155)          |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>               | <b>65.876.520.000</b>     | <b>60.000.000</b>    | <b>(99.038.155)</b>        | <b>5.840.012.107</b>  | <b>4.041.435.465</b>   | <b>139.891.152</b>            | <b>11.558.927.232</b>             | <b>87.417.747.801</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

|                         | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vốn góp của các cổ đông | 65.876.520.000        | 45.432.250.000        |
| Thặng dư vốn cổ phần    | 60.000.000            | 60.000.000            |
| <b>Cộng</b>             | <b>65.936.520.000</b> | <b>45.492.250.000</b> |

#### *Cổ tức*

|                                     | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chia cổ tức năm trước bằng cổ phiếu | 20.444.270.000        | 15.144.030.000        |
| Chia cổ tức năm trước bằng tiền     | 6.824.898.000         | 6.047.906.000         |
| <b>Cộng</b>                         | <b>27.269.168.000</b> | <b>21.191.936.000</b> |

#### *Cổ phiếu*

|                                        | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 6.587.652          | 4.543.225         |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng |                    |                   |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 6.587.652          | 4.543.225         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         |                    |                   |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | -                  | -                 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        |                    |                   |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 6.587.652          | 4.543.225         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                  | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### **26. Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Là vốn góp của các cổ đông thiểu số tại Công ty Cổ phần Sông Bung

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu

|                              | Năm nay                | Năm trước              |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng           | 711.774.420            | -                      |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ   | 1.534.081.994          | 17.835.455             |
| Doanh thu hoạt động xây dựng | 377.632.802.261        | 347.496.815.680        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>379.878.658.675</b> | <b>347.514.651.135</b> |

### 2. Giá vốn hàng bán

|                            | Năm nay                | Năm trước              |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn hàng bán           | 708.518.297            | -                      |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ   | 144.579.631            | -                      |
| Giá vốn hoạt động xây dựng | 309.968.502.580        | 296.416.084.048        |
| <b>Cộng</b>                | <b>310.821.600.508</b> | <b>296.416.084.048</b> |

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                                            | Năm nay              | Năm trước             |
|--------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng                     | 1.303.625.829        | 687.193.977           |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                | -                    | 771.730.800           |
| Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác | -                    | 9.295.834.942         |
| <b>Cộng</b>                                | <b>1.303.625.829</b> | <b>10.754.759.719</b> |

### 4. Chi phí tài chính

|                                        | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay                        | 31.801.394.166        | 12.330.617.930        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện      | -                     | 40.031.275            |
| Phí mượn tài sản để thế chấp khoản vay | 535.190.792           | -                     |
| Lãi chậm nộp BHXH                      | 22.743.534            | 27.999.707            |
| <b>Cộng</b>                            | <b>32.359.328.492</b> | <b>12.398.648.912</b> |

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                           | Năm nay               | Năm trước             |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 12.925.502.841        | 8.019.797.332         |
| Chi phí vật liệu quản lý  | 187.162.736           | 141.668.530           |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 703.286.944           | 620.573.392           |
| Chi phí khấu hao TSCĐ     | 1.016.322.683         | 756.820.374           |
| Thuế, phí và lệ phí       | 9.467.000             | 60.440.000            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.382.682.861         | 4.137.930.132         |
| Chi phí bằng tiền khác    | 2.376.166.041         | 1.294.176.837         |
| <b>Cộng</b>               | <b>22.600.591.106</b> | <b>15.031.406.597</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 6. Thu nhập khác

|                             | Năm nay          | Năm trước            |
|-----------------------------|------------------|----------------------|
| Hoàn nhập dự phòng bảo hành | -                | 7.936.457.356        |
| Thu khác                    | 6.253.942        | 4.600.283            |
| <b>Cộng</b>                 | <b>6.253.942</b> | <b>7.941.057.639</b> |

#### 7. Chi phí khác

|                           | Năm nay           | Năm trước          |
|---------------------------|-------------------|--------------------|
| Phạt vi phạm hành chính   | -                 | 3.300.000          |
| Chi phí các năm trước     | 23.661.318        | -                  |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | -                 | 137.302.200        |
| Chi phí khác              | 21.463.455        | 1.555.934          |
| <b>Cộng</b>               | <b>45.124.773</b> | <b>142.158.134</b> |

#### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

|                                                                                                                        | Năm nay        | Năm trước      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                       | 14.254.476.451 | 31.721.968.549 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | -              | -              |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông                                                                | 14.254.476.451 | 31.721.968.549 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm                                                                   | 6.587.652      | 6.587.652      |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                                                                        | <b>2.164</b>   | <b>4.815</b>   |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

|                                                             | Năm nay          | Năm trước        |
|-------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm                    | 4.543.225        | 3.028.822        |
| Ảnh hưởng của chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2010      | -                | 1.514.403        |
| Ảnh hưởng của chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2011      | 2.044.427        | 2.044.427        |
| <b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b> | <b>6.587.652</b> | <b>6.587.652</b> |

Năm 2011, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 6.982 VND xuống còn 4.815 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

#### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tập đoàn phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

|                           | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|----------------|------------------|
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 20.444.270.000 | 15.144.030.000   |

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Tập đoàn cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.4 đến VIII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn do Tập đoàn chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

#### 2. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|             | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|-------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương  | 2.264.882.274        | 1.983.808.364        |
| Phụ cấp     | 383.345.458          | 472.420.027          |
| Tiền thưởng | 122.865.000          | 260.175.000          |
| <b>Cộng</b> | <b>2.771.092.732</b> | <b>2.716.403.391</b> |

#### 3. Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê trụ sở làm việc dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê trụ sở làm việc tại Thành phố Hà Nội có hiệu lực từ 26/07/2010 đến 01/09/2015 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê là 90.480 USD/năm (đã bao gồm thuế GTGT)

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

|                                    | Giá trị sổ sách        |                        | Giá trị hợp lý         |                        |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                    | Số cuối năm            | Số đầu năm             | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                        |                        |                        |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 74.680.918.440         | 51.922.130.563         | 74.680.918.440         | 51.922.130.563         |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán  | 1.800.000.000          | 1.800.000.000          | 1.800.000.000          | 1.800.000.000          |
| Phải thu khách hàng                | 72.278.193.876         | 81.584.328.981         | 72.278.193.876         | 81.584.328.981         |
| Các khoản phải thu khác            | 68.505.252.702         | 37.051.277.663         | 68.505.252.702         | 37.051.277.663         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>217.264.365.018</b> | <b>172.357.737.207</b> | <b>217.264.365.018</b> | <b>172.357.737.207</b> |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>       |                        |                        |                        |                        |
| Vay và nợ                          | 358.244.821.471        | 156.948.636.925        | 358.244.821.471        | 156.948.636.925        |
| Phải trả người bán                 | 68.837.977.881         | 42.203.881.435         | 68.837.977.881         | 42.203.881.435         |
| Các khoản phải trả khác            | 41.815.225.288         | 34.905.828.704         | 41.815.225.288         | 34.905.828.704         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>468.898.024.640</b> | <b>234.058.347.064</b> | <b>468.898.024.640</b> | <b>234.058.347.064</b> |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

#### 5. Tài sản đảm bảo

##### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

| Tài sản thế chấp                | Giá trị sổ sách       |
|---------------------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>              |                       |
| Máy móc thiết bị                | 15.534.939.204        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 4.505.071.463         |
| <b>Cộng</b>                     | <b>20.040.010.667</b> |
| <b>Số đầu năm</b>               |                       |
| Máy móc thiết bị                | 20.344.450.395        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6.172.592.957         |
| <b>Cộng</b>                     | <b>26.517.043.352</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bảo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Điều khoản và điều kiện thế chấp:

Bên cho vay được phép xử lý tài sản để thu hồi nợ khi đến hạn trả nợ mà bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ hoặc vi phạm cam kết trong hợp đồng tín dụng

### 6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

|                         | <b>Từ 1 năm trở<br/>xuống</b> | <b>Trên 1 năm đến<br/>5 năm</b> | <b>Trên 5 năm</b> | <b>Cộng</b>            |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                               |                                 |                   |                        |
| Vay và nợ               | 156.107.500.287               | 202.137.321.184                 | -                 | 358.244.821.471        |
| Phải trả người bán      | 68.837.977.881                | -                               | -                 | 68.837.977.881         |
| Các khoản phải trả khác | 40.749.925.288                | 1.065.300.000                   | -                 | 41.815.225.288         |
| <b>Cộng</b>             | <b>265.695.403.456</b>        | <b>203.202.621.184</b>          | <b>-</b>          | <b>468.898.024.640</b> |
| <b>Số đầu năm</b>       |                               |                                 |                   |                        |
| Vay và nợ               | 123.106.908.584               | 33.841.728.341                  | -                 | 156.948.636.925        |
| Phải trả người bán      | 42.203.881.435                | -                               | -                 | 42.203.881.435         |
| Các khoản phải trả khác | 28.296.078.704                | 6.609.750.000                   | -                 | 34.905.828.704         |
| <b>Cộng</b>             | <b>193.606.868.723</b>        | <b>40.451.478.341</b>           | <b>-</b>          | <b>234.058.347.064</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Báo Anh, số 62 Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ do thay đổi tỷ giá tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

|                  | Thay đổi lãi suất (%) | Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu |
|------------------|-----------------------|-------------------------------------------------|
| <b>Năm nay</b>   |                       |                                                 |
| Tăng             | 2%                    | (5.373.672.322)                                 |
| Giảm             | -2%                   | 5.373.672.322                                   |
| <b>Năm trước</b> |                       |                                                 |
| Tăng             | 2%                    | (2.354.229.554)                                 |
| Giảm             | -2%                   | 2.354.229.554                                   |

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

#### 9. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội.

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu

Hoàng Đức Tùng



Lương Minh Tuấn

## **MỤC LỤC**

|                                                                       | <b>Trang</b>   |
|-----------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>                                                     | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>                               | <b>2 - 5</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán</b>                                           | <b>6</b>       |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b> | <b>7 - 10</b>  |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2011</b>      | <b>11</b>      |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2011</b>                | <b>12 - 13</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011</b>         | <b>14 - 38</b> |

\*\*\*\*\*

